

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

GÓI THẦU

Gói thầu số 7: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế xây dựng
triển khai sau thiết kế cơ sở(TKBVTC)

DỰ ÁN

Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công
nghệ cao Thạnh Hóa - PVCFC

ĐỊA ĐIỂM

Tại xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÁI A



Năm 2025

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKBVTC)

Dự án: Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thạnh Hóa - PVCFC

Phát hành ngày: 11/..../2025

Ban hành kèm theo Quyết định: Số 1626/QĐ-PVCFC ngày 09 tháng 7 năm 2025

ĐƠN VỊ TƯ VẤN ĐẦU THẦU



GIÁM ĐỐC
Phùng Quốc Thái

CHỦ ĐẦU TƯ



Trần Thế Cường
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

11/07/2025

HỒ SƠ MỜI THẦU

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

8

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu, bao gồm hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính
HSDXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
HSDXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
Luật đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam; Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu
Nghị định 24/CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Quy chế lựa chọn nhà thầu	Là Quy chế lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư/công trình có cấu phần xây dựng được ban hành tại Quyết định số 466/QĐ-PVCFC ngày 05/03/2025
VND	đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSM T này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại BDL.</p> <p>1.3 Thời gian thực hiện Gói thầu được quy định tại BDL</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong TBMT.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSM T nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu cung cấp tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p>

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

g) Nêu điều kiện trong HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi được công khai

	<p>theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>f) Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 CDNT.</p>
<p>6. Nội dung</p>	<p>6.1. HSMT bao gồm: TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu</p>

<p>của HSMT</p>	<p>sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. HSMT do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ HSMT</p>	<p>7.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMT.</p> <p>7.2. Văn bản sửa đổi HSMT được coi là một phần của HSMT và phải được thông báo bằng văn bản đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu.</p> <p>7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT đến các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu theo quy định tại BDL. Nhằm giúp các nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.2 CDNT. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSMT theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>7.4. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu trong thời hạn tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy</p>

	<p>định tại Mục 7.1 CDNT.</p> <p>7.5. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại BDL. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà thầu thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMT. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMT, nhà thầu nên gửi yêu cầu làm rõ đến Bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>Nội dung hội nghị tiền đấu thầu sẽ được Bên mời thầu lập thành biên bản, trong đó bao gồm: nội dung các câu hỏi của nhà thầu (không nêu tên cụ thể nhà thầu hỏi), nội dung câu trả lời của Bên mời thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu được gửi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trong trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi HSMT như quy định tại Mục 7.1 CDNT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT.</p> <p>7.6. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.7. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của HSDT</p>	<p>HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định trong BDL.</p>
<p>10. Thành phần của HSDT</p>	<p>HSDT bao gồm HSDXKT và HSDXTC:</p> <p>10.1. HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu thuộc HSDXKT theo quy định tại Mục 11 CDNT; - Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. HSDXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong HSDXTC theo quy định tại Mục 11 CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 CDNT và Mục 12 CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.</p>

11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV.
12. Giá dự thầu và giảm giá	<p>12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Giá dự thầu lấy từ Mẫu số 14 Chương IV.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện đúng quy định tại BDL.</p>
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của HSDT	<p>15.1. HSDT bao gồm HSDXKT và HSDXTC phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. HSDXKT hoặc HSDXTC nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT (gia hạn hiệu lực của cả HSDXKT và HSDXTC). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
15 A. Quy cách HSDT và chữ	15A.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDXKT, 1 bản gốc HSDXTC theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp

<p>ký trong HSDT</p>	<p>HSDXKT, HSDXTC theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDXKT”, “BẢN GỐC HSDXTC”, “BẢN CHỤP HSDXKT”, “BẢN CHỤP HSDXTC”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDXKT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDXKT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDXTC SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDXTC SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDXKT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDXKT THAY THẾ”, “BẢN GỐC HSDXTC THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDXTC THAY THẾ”.</p> <p>15A.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p> <p>15A.3. Bản gốc của HSDXKT, HSDXTC phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p> <p>15A.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>15A.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p>
<p>15B. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT</p>	<p>15B.1. Túi đựng HSDXKT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDXKT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT”. Túi đựng HSDXTC bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDXTC, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH”.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì hồ sơ</p>

	<p>sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDXKT và túi đựng HSDXTC, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ”.</p> <p>Các túi đựng: HSDXKT, HSDXTC; HSDXKT sửa đổi, HSDXKT thay thế, HSDXTC sửa đổi, HSDXTC thay thế (nếu có); đề xuất phương án thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p>15B.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <p>a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;</p> <p>b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo quy định tại Mục 16.1 CDNT;</p> <p>c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;</p> <p>d) Ghi dòng chữ cảnh báo: “không được mở trước thời điểm mở HSDXKT” đối với túi đựng HSDXKT và túi đựng HSDXKT sửa đổi, HSDXKT thay thế (nếu có); “không được mở trước thời điểm mở HSDXTC” đối với túi đựng HSDXTC và túi đựng HSDXTC sửa đổi, HSDXTC thay thế (nếu có).</p> <p>15B.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại các Mục 15B.1 và 15B.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p>
<p>16. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>16.1 Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho Bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT trước khi HSDT được tiếp nhận.</p> <p>16.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi Thông báo mời thầu. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>17. Nộp, rút và sửa đổi HSDT, HSDT nộp</p>	<p>17.1. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy</p>

<p>muộn</p>	<p>quyền theo quy định tại Mục 15A.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 15A và Mục 15B CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDXKT” hoặc “SỬA ĐỔI HSDXTC” hoặc “THAY THẾ HSDXKT” hoặc “THAY THẾ HSDXTC” hoặc “RÚT HSDT”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 CDNT.</p> <p>17.2. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo Mục 17.1 CDNT sẽ được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>17.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p> <p>17.4. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p>
<p>18. Mở HSDXKT</p>	<p>18.1. Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo thông tin của tất cả HSDXKT thuộc HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDXKT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại Mục 16.1 CDNT trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSDXKT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>18.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDT”, túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDXKT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu.</p> <p>Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDXKT”; HSDXKT sẽ được thay bằng HSDXKT thay thế tương ứng; túi đựng HSDXKT ban đầu sẽ được giữ nguyên niêm phong và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. HSDXKT sẽ không được thay thế nếu văn bản thông báo thay thế HSDXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu.</p>

Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDXKT” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDXKT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDXKT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDXKT được mở và đọc trong lễ mở HSDXKT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

18.3 Việc mở HSDXKT được thực hiện đối với từng HSDXKT hoặc HSDXKT thay thế (nếu có) theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong sau đó mở các túi hồ sơ bên ngoài đề "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT", “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI” (nếu có) hoặc “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ” (nếu có);

b) Mở bản gốc HSDXKT, HSDXKT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDXKT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ những thông tin sau: tên nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDXKT, thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong đơn dự thầu thuộc HSDXKT, và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết;

c) Đọc to, rõ số lượng bản chụp HSDXKT và các thông tin có liên quan khác, bao gồm cả thông tin liên quan đến đề xuất phương án thay thế của nhà thầu (nếu có);

d) Đại diện của Bên mời thầu tham dự lễ mở thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu thuộc HSDXKT, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thoả thuận liên danh (nếu có); Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 17.4 CDNT;

đ) Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự mở HSDXKT niêm phong các túi hồ sơ bên ngoài đề "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH", “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ”; cách niêm phong do Bên mời thầu và các nhà thầu thống nhất. Sau khi niêm phong, Bên mời thầu có trách nhiệm bảo quản các túi hồ sơ nêu trên theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi mở HSDXTC theo quy định tại Mục 20 CDNT.

18.4 Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSDXKT trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 18.3 CDNT. Đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDXKT sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu

<p>19. Đánh giá HSDXKT</p>	<p>19.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDXKT.</p> <p>19.2 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT:</p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu có HSDXKT hợp lệ, được xem xét, đánh giá trong các nội dung tiếp theo.</p> <p>19.3. Đánh giá về kỹ thuật:</p> <p>a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được tiếp tục xem xét, đánh giá HSDXTC theo quy định tại các Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>19.5. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được phê duyệt bằng văn bản. Bên mời thầu sẽ thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu, trong đó mời các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến mở HSDXTC, kèm theo thời gian, địa điểm mở HSDXTC</p>
<p>20. Mở HSDXTC</p>	<p>20.1. Việc mở HSDXTC được tiến hành công khai theo thời gian và tại địa điểm nêu trong văn bản thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSDXTC không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.</p> <p>20.2. Tại lễ mở HSDXTC, Bên mời thầu công khai văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, sau đó tiến hành kiểm tra niêm phong của túi hồ sơ bên ngoài đề "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI" hoặc "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ".</p> <p>20.3 Trường hợp nhà thầu có đề nghị thay thế HSDXTC, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin của túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSDXTC"; HSDXTC sẽ được thay bằng HSDXTC thay thế tương ứng; túi đựng HSDXTC ban đầu sẽ được giữ nguyên niêm phong và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. HSDXTC sẽ không được thay thế nếu văn bản thông báo thay thế HSDXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu.</p> <p>Đối với các túi đựng văn bản thông báo "SỬA ĐỔI HSDXTC" thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDXTC</p>

	<p>sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDXTC nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDXTC được mở và đọc tại buổi mở HSDXTC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>20.4 Việc mở HSDXTC được thực hiện đối với từng HSDXTC theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Mở bản gốc HSDXTC, HSDXTC sửa đổi (nếu có) hoặc HSDXTC thay thế (nếu có) và đọc to, rõ những thông tin sau: tên nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDXTC, giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDXTC và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở HSDXTC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;</p> <p>b) Đọc to, rõ số lượng bản chụp HSDXTC và các thông tin có liên quan khác;</p> <p>c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc HSDXTC, thư giảm giá (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDXTC nào của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi mở HSDXTC.</p> <p>33.5. Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSDXTC trong đó bao gồm các thông tin quy định tại các Mục 20.2, 20.3 và 20.4 CDNT. Đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDXTC sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật</p>
<p>21. Đánh giá HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III -Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong</p>

	<p>mọi trường hợp không ai được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDXKT, HSDXTC.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 23 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở HSDXKT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở HSDXKT, HSDXTC, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDXKT, HSDXTC theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSDXKT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDXKT và HSDXTC của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDT bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>23.2. Việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản.</p> <p>23.3. Trong khoảng thời gian theo quy định tại BDL, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>23.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT</p>

	<p>của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.</p>
<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá; c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu; d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực; đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực; e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;

	<p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/ND-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/ND-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định HSMQT, HSMT; đánh giá HSQT, HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p>27. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSDT;</p>

3
7
3
4
0
A
1
3

b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;

c) HSMT.

27.2. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDXKT, HSDXTC; giữa các nội dung khác nhau trong HSDXKT, HSDXTC có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;

c) Thương thảo về nhân sự:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDXKT trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;

d) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng.

đ) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

27.3. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; ĐKCT, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, bảng giá hợp đồng, tiến độ thực hiện.

27.4. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo

	quy định tại điểm a Mục 29.1 CDNT.
28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại BDL.</p>
29. Hủy thầu	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMT hoặc Dự án không được cấp/người có thẩm quyền/ cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của Quy chế lựa chọn Nhà thầu đối với dự án đầu tư/công trình có cấu phần xây dựng ban hành theo Quyết định 466/QĐ-PVCFD ngày 05/3/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>30.1. Trong thời hạn quy định tại BDL, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo Đấu thầu theo quy định. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên gói thầu;</p> <p>b) Tên nhà thầu trúng thầu;</p> <p>c) Địa chỉ giao dịch hiện tại của nhà thầu trúng thầu;</p>

	<p>d) Giá trúng thầu;</p> <p>đ) Loại hợp đồng;</p> <p>e) Thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>g) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>30.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 30.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà thầu, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu .</p>
<p>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <p>a) Dự thảo hợp đồng;</p> <p>b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;</p> <p>d) Biên bản thương thảo hợp đồng;</p>

	<p>d) Các nội dung nêu trong HSĐT và văn bản giải thích làm rõ HSĐT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);</p> <p>e) Các yêu cầu nêu trong HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có).</p> <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực HSĐT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn Nhà thầu, kết quả lựa chọn Nhà thầu đến Chủ đầu tư, người có thẩm quyền theo địa chỉ quy định tại BDL. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p>
<p>35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của Quy chế lựa chọn Nhà thầu đối với dự án đầu tư/công trình có cấu phần xây dựng ban hành theo Quyết định 466/QĐ-PVCFC ngày 05/3/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại BDL.</p>
<p>36. Các điều kiện khác để triển khai thực hiện gói thầu, ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Gói thầu này thực hiện Lựa chọn Nhà thầu trước để bảo đảm rút ngắn thời gian thực hiện dự án tổng thể, tuân thủ theo các quy định tại Quy chế Lựa chọn Nhà thầu.</p> <p>36.2 Trong trường hợp dự án không được triển khai (do Dự án không được cấp/người có thẩm quyền/cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt), Chủ đầu tư sẽ thực hiện huỷ thầu theo điểm b Mục 29.1 CDNT.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	<p>Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phân bón dầu khí Cà Mau Bên mời thầu: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau – Ban Quản lý Dự án chuyên ngành</p>
CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKBVTC) Tên dự án/dự toán mua sắm: Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thạnh Hóa - PVCFC</p>
CDNT 1.3	<p>Thời gian thực hiện Gói thầu: 90 ngày</p>
CDNT 3	<p>Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu + Nguồn quỹ phát triển khoa học công nghệ của PVCFC.</p>
<p>CDNT 5.1 (d)</p>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu là doanh nghiệp thì phải không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau - Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn; - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn của dự án; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập HSMT, Tư vấn đánh giá HSMT: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thái A, địa chỉ 76/6F Trần Văn Mười, xã Xuân Thới Sơn, thành phố Hồ Chí Minh; + Tư vấn thẩm định HSMT, Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty Cổ phần Sở hữu Trí tuệ DVL Miền Nam. Địa chỉ: Số 10 đường 3/2, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh.
CDNT 7.3	<p>Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 07 ngày. Trường hợp thời gian gửi tài liệu sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.</p>
CDNT 7.5	<p>Hội nghị tiền đấu thầu sẽ không được tổ chức.</p>
CDNT 9	<p>HSMT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSMT được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng: Tiếng Việt.</p>

	<p>Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.</p>
<p>CDNT 10.3</p>	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền). <p>b) Các tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề xây dựng phù hợp theo quy định của pháp luật; - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng thiết kế công trình dân dụng – nhà công nghiệp hoặc Thiết kế xây dựng công trình dân dụng Hạng III trở lên còn hiệu lực. - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật Hạng III trở lên còn hiệu lực. - Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy trong đó có thể hiện ngành nghề được phép kinh doanh dịch vụ PCCC: Tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. <p>Trường hợp nhà thầu dự thầu không có Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy thì có thể liên danh hoặc đề xuất nhà thầu phụ có Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>Trường hợp liên danh từng thành viên phải cung cấp các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng với công việc đảm nhận trong liên danh.</p> <p>Trường hợp trong HSDT, Nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá HSDT. Nhà thầu chỉ được trao hợp đồng sau khi đã đệ trình cho Chủ đầu tư chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.</p> <p>c) Nhà thầu nộp Báo cáo tài chính 03 năm tài chính gần nhất (2022, 2023, 2024) và một trong các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong 03 năm tài chính gần nhất. + Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong 03 năm tài chính gần nhất. + Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử của năm tài chính gần nhất. + Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả

	<p>năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong năm tài chính gần nhất. + Báo cáo kiểm toán (nếu có); + Các tài liệu khác”</p> <p>d) Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện hợp đồng: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng, hóa đơn giá trị gia tăng và các tài liệu khác có liên quan để chứng minh cấp công trình, loại công trình.</p> <p>e) Tài liệu chứng minh nhân sự chủ chốt: Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự; bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn, tài liệu chứng minh theo yêu cầu tại Chương III của HSMT.</p> <p>f) Và các tài liệu khác theo yêu cầu của HSMT</p> <p>Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc các tài liệu để chứng minh.</p> <p>Lưu ý: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh về năng lực và kinh nghiệm (Tài liệu là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực).</p> <p>Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu yêu cầu và nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp bản gốc các tài liệu để chứng minh tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm thực hiện hợp đồng, năng lực, kinh nghiệm nhân sự, thiết bị tham gia gói thầu hoặc các tài liệu khác.</p>
CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: không yêu cầu
CDNT 14.3	<i>Trường hợp không áp dụng thì ghi rõ:</i> Không áp dụng
CDNT 15.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT (HSDXKT và HSDXTC) là: ≥ 90 ngày kể từ ngày đóng thầu.
CDNT 15A.1	Số lượng bản chụp HSDT là: 03 bản và 01 USB có chứa nội dung tương ứng (file pdf, word, excel...). Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT.
CDNT 16.1	<p>Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT):</p> <p>Nơi nhận: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau</p> <p>Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau - Ban Quản lý Dự án chuyên ngành</p> <p>Địa chỉ: Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau</p> <p>Số điện thoại: 0290 3819 000</p> <p>Số fax: 0290 3 390 501</p> <p>Đầu mối liên hệ: Bà Đặng Thị Hoa, SĐT 0932798283</p> <p>Thời điểm đóng thầu là: giờ phút, ngày/...../2025</p>

CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: Chọn phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá
CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: <i>nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.</i>
CNDT 23.3	Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDT đến bên mời thầu trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm đóng thầu
CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 20% giá dự thầu của nhà thầu
CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng)
CDNT 30.1	Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu là: 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 31	Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng
CDNT 33.2	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
CDNT 35	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau Địa chỉ: Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau Số điện thoại: 0290 3 819 000 Số fax: 0290 3 390 501 Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Người có thẩm quyền: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT

Mục 1. Kiểm tra và Đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT

Mục 1.1 Kiểm tra tính hợp lệ HSĐXKT

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐXKT;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXKT, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật và các thành phần khác thuộc HSĐXKT theo quy định tại Mục 10 CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐXKT.

Mục 1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT

HSĐXKT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bản gốc HSĐXKT;
2. Có đơn dự thầu thuộc HSĐXKT được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
3. Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;
4. Thời hạn hiệu lực của HSĐXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 15.1 CDNT;
5. Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐXKT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
6. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính tỷ lệ % giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;
7. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của

nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022);

8. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
9. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
10. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5.1 CDNT;
11. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia hệ thống đấu thầu;
12. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực và yêu cầu tại mục CDNT 10.3 - Chương II Bảng dữ liệu đấu thầu của HSMT.

Nhà thầu có HSDXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các nội dung tiếp theo. Nhà thầu có HSDXKT không hợp lệ thì HSDT bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm. Các tiêu chuẩn đánh giá HSDXKT được nêu chi tiết dưới đây. Thang điểm được sử dụng là 100 điểm. Tổng mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70 điểm. HSDXKT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn trong bảng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dưới đây) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá các bước tiếp theo.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (10% tổng số điểm)	10		8
1.1	Trong vòng 3 năm gần đây lấy theo ngày nghiệm thu và tính đến thời điểm đóng thầu), Nhà thầu đã thực	10	- Số lượng hợp đồng ≥ 3 Hợp đồng/ dự án: 10 điểm. - Số lượng hợp đồng ≥ 2 Hợp đồng/ dự án: 9 điểm.	

	<p>hiện gói thầu/công trình thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán cho công trình dân dụng từ cấp III trở lên có các hạng mục: Nhà, kết cấu dạng nhà, nhà/phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật (cấp nước- thoát nước, đường giao thông).⁽¹⁾</p> <p>Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh: Hợp đồng tư vấn, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư; Tài liệu chứng minh loại, cấp công trình.</p> <p>Đối với liên danh dự thầu: Từng thành viên liên danh phải cung cấp đầy đủ tài liệu để chứng minh đáp ứng theo các yêu cầu nêu trên theo công việc đảm nhận.</p>		<p>- Số lượng hợp đồng ≥ 1 Hợp đồng/ dự án: 8 điểm - Không có hợp đồng: 0 điểm.</p>	
2	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu⁽²⁾ (5% tổng số điểm)</p> <p>Nhà thầu phải cam kết không vi phạm uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024)</p>	5	<p>Đáp ứng theo quy định kèm theo cam kết: 5 điểm Vi phạm quy định hoặc không có cam kết: 0 điểm</p>	
3	<p>Giải pháp và phương pháp luận (35% tổng số điểm)</p>	35		21
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu	2	- Nhà thầu thể hiện đã hiểu	

			<p>rõ, đầy đủ từng nội dung nhiệm vụ trong “Điều khoản tham chiếu”: 2 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu thể hiện đã hiểu rõ nội dung nhiệm vụ trong “Điều khoản tham chiếu” nhưng còn thiếu các nội dung không quan trọng: 1 điểm. - Không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm. 	
3.2	<p>Cách tiếp cận và phương pháp luận</p> <p>Trình bày đầy đủ các giải pháp lập hồ sơ thiết kế BVTC bao gồm sự tuân thủ các quy định của pháp luật, các giải pháp thiết kế phù hợp với quy mô, đặc điểm của dự án.</p>	22	<ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp và phương pháp luận nêu đầy đủ, hợp lý và khả thi: 22 điểm. - Giải pháp và phương pháp luận nêu đầy đủ, hợp lý nhưng còn thiếu một vài điểm không quan trọng: 18 điểm. - Giải pháp và phương pháp luận nêu đầy đủ, nhưng chưa hoàn toàn phù hợp với quy mô, đặc điểm của gói thầu: 14 điểm. - Không trình bày hoặc không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm. 	
3.3	Sáng kiến cải tiến	2	<ul style="list-style-type: none"> - Có nêu sáng kiến, đề xuất kỹ thuật nâng cao chất lượng: 2 điểm. - Không trình bày hoặc trình bày không phù hợp: 0 điểm. 	
3.4	Cách trình bày	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày hợp lý, khoa học và khả thi: 2 điểm. - Trình bày không hợp lý, khoa học và khả thi: 0 điểm. 	
3.5	Kế hoạch triển khai	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lập đầy đủ, phù hợp với gói thầu và chi tiết: 3 điểm. - Lập đầy đủ, phù hợp với gói thầu nhưng chưa chi 	

11/10/2017

P

			tiết: 2 điểm. - Lập đầy đủ, chi tiết nhưng chưa hoàn toàn phù hợp với gói thầu: 1 điểm - Không trình bày: 0 điểm.	
3.6	Bố trí nhân sự	4	- Lập đầy đủ, hợp lý và phù hợp với gói thầu: 4 điểm. - Lập đầy đủ và tương đối phù hợp với gói thầu: 2 điểm. - Không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm.	
4	Nhân sự chủ chốt (50% tổng số điểm)⁽³⁾	50		30
	Vị trí	Số lượng		
4.1	<p>Chủ nhiệm thiết kế</p> <p>- Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc hoặc thiết kế kết cấu công trình từ hạng III trở lên còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trường hợp không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên thì được đánh giá: 0 điểm ở nội dung này.</p> <p>Trường hợp đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên sẽ được đánh giá theo mức điểm chi tiết bên dưới.</p>	1	12	
4.1.1	Kinh nghiệm Tư vấn thiết kế xây dựng (Xác định theo ngày cấp bằng đại học)	6	<p>- Số năm kinh nghiệm ≥ 7 năm: 6 điểm.</p> <p>- Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm: 4 điểm.</p> <p>- Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm: 2 điểm.</p> <p>- Không đáp ứng các yêu</p>	

				cầu: 0 điểm.	
4.1.2	Đã làm chủ nhiệm thiết kế các công trình dân dụng cấp III trở lên trong vòng 03 năm gần đây (lấy theo ngày nghiệm thu và tính đến thời điểm đóng thầu)		6	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng công trình ≥ 3: 6 điểm. - Số lượng công trình ≥ 2: 4 điểm. - Số lượng công trình ≥ 1: 2 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. 	
4.2	<p>Chủ trì thiết kế kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu) <p>Trường hợp không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên thì được đánh giá: 0 điểm ở nội dung này. Trường hợp đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên sẽ được đánh giá theo mức điểm chi tiết bên dưới.</p>	1	6		
4.2.1	Kinh nghiệm Tư vấn thiết kế xây dựng (Xác định theo ngày cấp bằng đại học)		3	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 7 năm: 3 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm: 2 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm: 1 điểm. - Không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm. 	
4.2.2	Đã làm chủ trì thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng cấp III trở lên trong vòng 03 năm gần đây (lấy theo ngày nghiệm thu và tính đến thời điểm đóng thầu)		3	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng công trình ≥ 3: 3 điểm. - Số lượng công trình 2: 2 điểm. - Số lượng công trình 1: 1 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. 	

4.3	<p>Chủ trì thiết kế kết cấu</p> <p>- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình từ hạng III trở lên (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu)</p>	1	8		
4.3.1	<p>Kinh nghiệm Tư vấn thiết kế xây dựng (Xác định theo ngày cấp bằng đại học)</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 7 năm: 3 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm: 2 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm: 1 điểm. - Không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm. 		
4.3.2	<p>Đã làm chủ trì thiết kế kết cấu các công trình dân dụng cấp III trở lên trong vòng 03 năm gần đây (lấy theo ngày nghiệm thu và tính đến thời điểm đóng thầu)</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng công trình ≥ 3: 5 điểm. - Số lượng công trình 2: 3 điểm. - Số lượng công trình 1: 1 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. 		
4.4	<p>Chủ trì thiết kế điện</p> <p>- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình (hệ thống điện) từ Hạng III trở lên (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu).</p> <p>Trường hợp không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên thì được đánh giá: 0 điểm ở nội dung này. Trường hợp đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên sẽ được đánh giá theo mức điểm chi</p>	1	6		

	tiết bên dưới.			
4.4.1	Kinh nghiệm Tư vấn thiết kế xây dựng (Xác định theo ngày cấp bằng đại học)		3	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 7 năm: 3 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm: 2 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm: 1 điểm. - Không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm.
4.4.2	Đã làm chủ trì thiết kế điện các công trình dân dụng/Công nghiệp cấp III trở lên trong vòng 03 năm gần đây (lấy theo ngày nghiệm thu và tính đến thời điểm đóng thầu)		3	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng công trình ≥ 3: 3 điểm. - Số lượng công trình 2: 2 điểm. - Số lượng công trình 1: 1 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.
4.5	<p>Chủ trì thiết kế Hạ tầng kỹ thuật .</p> <p>- Có chứng chỉ hành nghề Thiết kế công trình Hạ tầng kỹ thuật từ Hạng III trở lên (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu).</p> <p>Trường hợp không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên thì được đánh giá: 0 điểm ở nội dung này.</p> <p>Trường hợp đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên sẽ được đánh giá theo mức điểm chi tiết bên dưới.</p>	1	6	
4.5.1	Kinh nghiệm Tư vấn thiết kế xây dựng (Xác định theo ngày cấp bằng đại học)		3	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 7 năm: 3 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm: 2 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm: 1 điểm.

				- Không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm.	
4.5.2	Đã làm chủ trì thiết kế hạ tầng kỹ thuật công trình dân dụng từ cấp III trở lên có các hạng mục: cấp-thoát nước, đường giao thông, trong vòng 03 năm gần đây (lấy theo ngày nghiệm thu và tính đến thời điểm đóng thầu)	3		- Số lượng công trình ≥ 3 : 3 điểm. - Số lượng công trình 2: 2 điểm. - Số lượng công trình 1: 1 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.6	Chủ trì thiết kế phòng cháy và chữa cháy - Có chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế về Phòng cháy chữa cháy (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu). Trường hợp không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên thì được đánh giá: 0 điểm ở nội dung này. Trường hợp đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên sẽ được đánh giá theo mức điểm chi tiết bên dưới.	1	6		
4.6.1	Kinh nghiệm Tư vấn thiết kế xây dựng (Xác định theo ngày cấp bằng đại học)	3		- Số năm kinh nghiệm ≥ 7 năm: 3 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm: 2 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm: 1 điểm. - Không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm.	

4.6.2	Đã làm chủ trì thiết kế phòng cháy chữa cháy cho các công trình từ cấp III trở lên, trong vòng 03 năm gần đây (lấy theo ngày nghiệm thu và tính đến thời điểm đóng thầu)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng công trình ≥ 3: 3 điểm. - Số lượng công trình 2: 2 điểm. - Số lượng công trình 1: 1 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. 	
4.7	<p>Chủ trì dự toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng từ Hạng II trở lên (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu). <p>Trường hợp không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên thì được đánh giá: 0 điểm ở nội dung này.</p> <p>Trường hợp đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ nêu trên sẽ được đánh giá theo mức điểm chi tiết bên dưới.</p>	1	6	
4.7.1	Kinh nghiệm Tư vấn thiết kế xây dựng (Xác định theo ngày cấp bằng đại học)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 7 năm: 3 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm: 2 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm: 1 điểm. - Không đáp ứng các yêu cầu: 0 điểm. 	
4.7.2	Đã làm chủ trì lập dự toán gói thầu thiết kế bản vẽ thi công công trình dân dụng từ nhóm B, cấp III trở lên, trong vòng 03 năm gần đây (lấy theo ngày nghiệm thu và tính đến thời điểm đóng thầu)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng công trình ≥ 3: 3 điểm. - Số lượng công trình 2: 2 điểm. - Số lượng công trình 1: 1 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. 	



<p>Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh năng lực của nhân sự, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng lao động (hoặc xác nhận của đơn vị đã, đang công tác hoặc tài liệu khác tương đương). - Bảng lý lịch chuyên gia tư vấn. - Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân. - Bằng tốt nghiệp đại học. - Chứng chỉ hành nghề. - Hồ sơ chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự: Tài liệu của Chủ đầu tư hoặc Cơ quan quản lý Nhà nước thể hiện tên nhân sự (Hợp đồng hoặc Biên bản nghiệm-thu hoặc hồ sơ thiết kế, dự toán hoặc các văn bản chính thức khác); Tài liệu chứng minh loại, cấp công trình. 			
Tổng cộng (100%)	100		70

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại điểm k khoản 6 Điều 16 và khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(3) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Mục 3. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDXTC

3.1. Kiểm tra HSDXTC:

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDXTC;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDXTC, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc HSDXTC, giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có);
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDXTC.

3.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDXTC:

HSDXTC của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDXTC;
- b) Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- d) Thời hạn hiệu lực của HSDXTC đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 15.1 CDNT.

Nhà thầu có HSDXTC hợp lệ sẽ được tiếp tục đánh giá chi tiết về tài chính. Nhà thầu có HSDXTC không hợp lệ thì HSDT sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

3.3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%; **K = 80%**.

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%; **G = 20%**.

+ **K + G = 80% + 20% = 100%**;

- Xếp hạng nhà thầu: HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Trách nhiệm thực hiện	
		Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	X	
HSDXKT			
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc HSDXKT		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh		X
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn		X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu		X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)		X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn		X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc		X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV		X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ		X
HSDXTC			
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc		X

	HSDXTC		
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia		X
13	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia		X
14	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng		X
15	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí		X

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU**1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói**

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Lập Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình). <i>Chi tiết như yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V</i>	Trọn gói	1

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu số 01A tương ứng cho từng hạng mục công việc.

))

/

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾
(thuộc HSĐXKT)

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo Mục 1.2 BDL]*

Tên dự án: *[ghi tên dự án theo Mục 1.2 BDL]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu theo Mục CDNT 1.1 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ *[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với thời gian thực hiện gói thầu là ____ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]* ⁽²⁾. Hồ sơ dự thầu của chúng tôi gồm có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này và hồ sơ đề xuất về tài chính được niêm phong riêng biệt.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này có hiệu lực trong thời gian ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁵⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và Biểu tiến độ thi công nêu trong HSDT.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục **15.1 BDL**. Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục **16.1 BDL**.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền ; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này. Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 4 CDNT.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];Căn cứ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc

liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị (Tỷ lệ % so với giá dự thầu)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____	- ____%

		- ____	- ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*ghi tên dự án*] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Nhà thầu lưu ý trong thỏa thuận liên danh phải ghi đầy đủ và chính xác tên dự án, tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 **BDL**.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

1
2
3
4
5

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	<i>[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]</i>
Tên chuyên gia tư vấn:	<i>[điền tên đầy đủ]</i>
Ngày sinh:	<i>[ngày/tháng/năm]</i>
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu đính kèm hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên cùng HSĐT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	<i>[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:</i>								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	<i>[Hạng mục công việc 2]</i>								
...									
n									

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **BDL** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **BDL**.
- (2) Hạng mục công việc được dựa theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 4 Chương III.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản các tài liệu này trong HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc HSDXTC)

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 BDL]*

Tên dự án: *[ghi tên dự án theo quy định tại Mục 1.2 BDL]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ *[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng với Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, chúng tôi xin gửi kèm đơn này đề xuất về tài chính với tổng số tiền là ____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾*.

Hồ sơ đề xuất về tài chính này có hiệu lực trong thời gian ____ ⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁵⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp trong HSMT cho phép chào theo một số đồng tiền khác nhau thì nhà thầu cần ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền do nhà thầu chào.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 15.1 **BDL**. Thời gian có hiệu lực của HSDXTC được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 **BDL**.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này. Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

(KHÔNG ÁP DỤNG)
BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA^(*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I Nhân sự chủ chốt							
1	[Theo Mẫu số 09]	[Theo Mẫu số 09]	Công ty	[Theo Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Theo Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	(b)	
2	-	Công ty	-	-	-	-
			Thực địa	-	-	-	
II Nhân sự khác							
1	[Theo Mẫu số 09]	[Theo Mẫu số 09]	Công ty	[Theo Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	-	-
			Thực địa	[Theo Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	-	
2		Công ty	-	-	-	
			Thực địa				
Tổng cộng							(A)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

– (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.

– (1), (2), (5): từ Mẫu số 09 Chương này.

– (4): Nhà thầu điền trong trường hợp HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để trích xuất thông tin vào cột này.

-(6)-(7): Nhà thầu tự tính

Mẫu số 13

(KHÔNG ÁP DỤNG)
CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	<i>[Công tác phí]</i>	<i>[Ngày]</i>	-	<i>[Trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]</i>	<i>(1)x(2)</i>
2	<i>[Chuyến bay]</i>	<i>[Chuyến]</i>	-	-	
3	<i>[Chi phí liên lạc]</i>	-	-	-	
4	<i>[Thiết bị, tài liệu...]</i>	-	-	-	
5	<i>[Chi phí đi lại trong nước]</i>	-	-	-	
6	<i>[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]</i>	-	-	-	
7	<i>[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]</i>	-	-	-	
Tổng chi phí					<i>(B)</i>

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Cột (3): Nhà thầu tự tính

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				
1					
2					
...					
...					
Tổng cộng					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Nhà thầu tự tính.

(KHÔNG ÁP DỤNG)
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	<i>(A)</i>
Chi phí khác cho chuyên gia	<i>(B)</i>
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	<i>(M)</i>
Tổng chi phí	$A + B + M$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Mục A, B, M: Trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC.

3
1
N
F
M
M
1
0

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Thông tin chung về dự án và gói thầu

Dự án

- Tên dự án: Dự án Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thanh Hóa – PVCFC;
- Địa điểm xây dựng: tại xã Thanh Hóa, tỉnh Tây Ninh;
- Người Quyết định đầu tư: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC). Địa chỉ: Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau. Điện thoại: (+84) 07803 819 000 - Fax: (+84) 07803 590 501, Email: info@pvcfc.com.vn;
- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở;
- Tổ chức Tư vấn khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Địa chất Nền móng Nhà Việt.
- Tổ chức Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh (ACCCo);
- Nhà thầu tư vấn thẩm tra Báo cáo Nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng Hoàng Phúc.
- Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
- Nhóm dự án: nhóm B.
- Loại và cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: 50 năm.
- Quy mô đầu tư:

Quy mô đầu tư của Dự án Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thanh Hóa - PVCFC bao gồm các hạng mục như sau:

- + Văn phòng điều hành: Tổng diện tích sàn 1.893,5 m²;

- + Nhà nghiên cứu, thí nghiệm: Tổng diện tích sàn 4.690m²;
 - + Nhà lưu trú nhân viên: Tổng diện tích sàn 1.748m²;
 - + Nhà lưu trú chuyên gia: Nhà 1 tầng, diện tích sàn 67,7m²/căn, số lượng 8 căn.
 - + Nhà triển lãm: Tổng diện tích sàn 675m².
 - + Nhà đa năng: Tổng diện tích sàn 916,4m²;
 - + Nhà kho vật tư + thành phẩm: Tổng diện tích sàn 1.500 m²;
 - + Khu sản xuất thử nghiệm (Pilot): 2.520 m²;
 - + Khu nhà màng: 6.400 m² (gồm 4 nhà kích thước 32mx40m và 2 nhà kích thước 16m x 40m).
 - + Các hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà chứa rác, nhà để máy phát điện, ...
 - + Các hạng mục giao thông, sân đường và hạ tầng kỹ thuật khác (Trạm bơm, Trạm biến áp, chiếu sáng).
- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu + nguồn quỹ phát triển khoa học công nghệ của PVCFC.
 - Thời gian thực hiện: 36 tháng (giai đoạn năm 2024-2027);
 - Nhóm dự án: Nhóm B
 - Loại và cấp công trình: Công trình dân dụng, Cấp III.
 - Hình thức quản lý dự án: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau trực tiếp quản lý dự án.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Mục đích tuyển chọn nhà thầu Tư vấn thực hiện lập Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình) của Dự án Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thanh Hóa – PVCFC tuân thủ theo quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18/06/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

II. Phạm vi công việc:

Trên cơ sở Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thanh Hóa – PVCFC được Tổng Giám đốc PVCFC phê duyệt tại Quyết định số 505/QĐ-PVCFC ngày 10/03/2025, Nhà thầu Tư vấn thực hiện lập Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình) bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

- Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm và bằng chi phí của mình thực hiện khảo sát hiện trạng mặt bằng của dự án để thu thập số liệu phục vụ cho công tác lập thiết kế xây dựng.
- Đối với công tác khảo sát địa hình: Khảo sát địa hình sẽ được thực hiện bởi đơn vị Tư vấn chuyên ngành. Nhà thầu tư vấn xem xét Báo cáo kết quả khảo sát địa hình do Chủ đầu tư cung cấp để áp dụng trong quá trình lập Thiết kế bản vẽ thi công.
- Đối với công tác khảo sát địa chất: Khảo sát địa chất sẽ được thực hiện bởi đơn vị Tư vấn chuyên ngành. Nhà thầu tư vấn xem xét Báo cáo kết quả khảo sát địa chất do Chủ đầu tư cung cấp để áp dụng trong quá trình lập Thiết kế bản vẽ thi công. Trong quá trình thiết kế, nếu nhà thầu thiết kế phát hiện báo cáo khảo sát xây dựng không đáp ứng yêu cầu thiết kế thì nhà thầu thiết kế báo cáo Chủ đầu tư để sửa đổi/bổ sung nhiệm vụ khảo sát.
- Đối với công tác san lấp mặt bằng của Dự án: Nhà thầu Tư vấn lập trước hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục này để Chủ đầu tư thực hiện thẩm tra, thẩm định và phê duyệt để làm cơ sở triển khai thi công san lấp mặt bằng đáp ứng theo yêu cầu của Dự án.
- Đối với thiết kế kỹ thuật Phòng thí nghiệm (Lab, Clean room) và thiết kế khu nhà màng sẽ do một đơn vị Tư vấn thiết kế chuyên ngành thực hiện. Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm xem xét, phối hợp và chỉnh sửa thiết kế xây dựng có liên quan khi có yêu cầu từ Chủ đầu tư mà không làm phát sinh chi phí của hợp đồng Tư vấn đã ký.
- Lập chỉ dẫn kỹ thuật công trình theo yêu cầu tại Điều 41 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, bao gồm: phần chỉ dẫn chung và các chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể cho từng loại công việc chủ yếu. Chỉ dẫn kỹ thuật phải thể hiện rõ những yêu cầu kỹ thuật mà nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện, trong đó nêu rõ các sai số cho phép trong thi công xây dựng, các yêu cầu kỹ thuật và quy trình kiểm tra vật liệu, sản phẩm xây dựng và thiết bị công trình và thiết bị công nghệ (nếu có) được sử dụng, lắp đặt vào công trình.
- Lập thuyết minh Thiết kế bản vẽ thi công và thuyết minh Dự toán.
- Lập các bảng tính về thiết kế nền, móng, kết cấu, điện, cấp thoát nước, chống sét, ... đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong Dự án đầu tư được duyệt và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế quy định hiện hành.
- Lập Bản vẽ thiết kế thi công xây dựng, nội dung bản vẽ thiết kế phải quy định rõ các chi tiết kích thước, mặt cắt, các yêu cầu kỹ thuật của vật liệu và các thông số kỹ thuật thiết bị (nếu có), biện pháp thi công chủ đạo. Quy cách hồ sơ thiết kế và nội dung thiết kế bản vẽ thi công tuân thủ theo Điều 37, Điều 40 của Nghị định số

175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán về PCCC theo quy định hiện hành, thay mặt Chủ đầu tư làm các thủ tục, hồ sơ để trình Cơ quan thẩm duyệt thiết kế về PCCC của công trình. Chính sửa và cập nhật lại hồ sơ thiết kế về PCCC sau khi có ý kiến thẩm duyệt của Cơ quan thẩm duyệt (nếu có) cho đến khi có được Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC.
- Lập quy trình quy trình bảo trì công trình xây dựng, cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) trước khi nghiệm thu hạng mục/công trình xây dựng đưa vào sử dụng, theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021.
- Các chuyên gia tham gia thực hiện lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình phải có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ và các quy định hiện hành khác có liên quan.
- Ngoài các nhân sự chủ chốt theo yêu cầu tại Khoản 4 mục 2 Chương III của HSMT, nhà thầu phải có trách nhiệm huy động các nhân sự khác để hoàn thành toàn bộ nội dung phạm vi công việc của gói thầu.
- Đối với công tác lập Dự toán: Phải bao gồm đầy đủ các khoản chi phí và định mức theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Trong đó, có bảng tiên lượng, phân tích định mức, đơn giá nhân công + đơn giá máy thi công tại khu vực xã Thạnh Hóa tỉnh Tây Ninh, cơ sở vận dụng giá vật tư, vật liệu và thiết bị. Các định mức, đơn giá nếu không do cơ quan Nhà nước công bố, ban hành thì cần nêu cơ sở để áp dụng.
- Nhà thầu Tư vấn mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp Tư vấn đầu tư xây dựng đối với công việc Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ.
- Thực hiện giám sát tác giả theo quy định và khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, phối hợp với Chủ đầu tư giải thích các vấn đề không rõ trong hồ sơ thiết kế cho nhà thầu thi công, Nhà thầu Tư vấn giám sát và các đơn vị khác khi có yêu cầu.
- Tư vấn có trách nhiệm phối hợp, giải trình hồ sơ thiết kế và dự toán với đơn vị Tư vấn thẩm tra, thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có) để hoàn thành hồ sơ làm cơ sở cho Chủ đầu tư phê duyệt.
- Trường hợp có thay đổi thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế cơ sở được duyệt, nhà thầu Tư vấn thiết kế có trách nhiệm phân tích và giải trình các nguyên nhân thay đổi để Chủ đầu tư xem xét, quyết định làm cơ sở triển khai.

11/11/2024

- Khuyến khích nhà thầu sử dụng BIM để thực hiện dự án.
- Nhà thầu đề xuất và lập bảng tiến độ thực hiện đối với công tác Lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán xây dựng công trình (thời gian thực hiện ≤ 90 ngày).

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện gói thầu là 90 ngày.
- Vào sáng thứ 6 hàng tuần, Nhà thầu Tư vấn phải gửi báo cáo kết quả thực hiện công việc để Chủ đầu tư kiểm tra và phối hợp giám sát tiến độ.
- Tài liệu/Sản phẩm giao nộp gồm: 06 bộ hồ sơ thiết kế và dự toán (đầy đủ chữ ký và đóng dấu) sau kết quả thẩm tra của đơn vị Tư vấn, kết quả thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có) + 01 USB chứa toàn bộ hồ sơ thiết kế, dự toán (định dạng file PDF, Auto CAD, Excel phần dự toán).

IV. Tài liệu đính kèm:

Các bản vẽ, tài liệu kèm theo Nhà thầu được yêu cầu kiểm tra và xem xét các bản vẽ và tài liệu đính kèm sau đây của Dự án để đưa ra báo giá đúng với yêu cầu và cạnh tranh nhất:

1. Báo cáo khảo sát địa hình .
2. Hồ sơ thiết kế cơ sở.

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá</p>

	<p>trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho</p>

	<p>nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>5. Bản quyền</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản</p>

	<p>đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi

	<p>này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành</p>

	<p>vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư

	<p>vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
16. Nhà thầu phụ	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.</p>
18. Tạm dừng hợp đồng	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng,</p>

	<p>không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện</p>

của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường

	<p>hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong ĐKCT.</p>
<p>23. Thông báo</p>	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]
ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Tại xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh
ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: _____ [Tuỳ theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng...]
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ [Ghi các tài liệu khác, nếu có]
ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: _____ [Ghi các quy định khác (nếu có)]
ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: <i>không áp dụng</i>
ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
ĐKC 10	10.1. Tạm ứng: Trong quá trình thương thảo 10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: Chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: Trong quá trình thương thảo - Thời hạn thanh toán: <i>Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (không yêu cầu xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết); bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh theo văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện nhà thầu; đề nghị thanh toán....;</i>
ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>Không áp dụng.</i>
ĐKC 12	Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày
ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày kể từ ngày

11/5/2010 B.A. / 1/11

	nhận được yêu cầu sửa đổi
ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: không có
ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Được quy định trong quá trình thương thảo
ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDT</i>].
ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng
ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: có đủ điều kiện thực hiện phần công việc của nhà thầu phụ
ĐKC 17	<i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i> 1. Phạt vi phạm hợp đồng: Được quy định trong quá trình thương thảo 2. Bồi thường thiệt hại: Được quy định trong quá trình thương thảo
ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Được quy định trong quá trình thương thảo
ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Được quy định trong quá trình thương thảo
ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: _____ [<i>ghi cụ thể hình thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài và thông tin cụ thể đối với hình thức xử lý tranh chấp lựa chọn bao gồm nhưng không giới hạn Trọng tài viên, Tòa án</i>].
ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____ - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chủ đầu tư/Đại diện CĐT và nhà thầu sẽ thống nhất nội dung hợp đồng dựa theo Mẫu hợp đồng tư vấn sau và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Xây dựng có những điều chỉnh cho phù hợp với tính chất gói thầu và yêu cầu của hai Bên.

MẪU HỢP ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng năm 2025

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: /2025/HĐTV-QLDA/PVCFC-....

GÓI THẦU SỐ:

DỰ ÁN:

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
(PVCFC)

và

.....

12
37
HÀ
D
IA
T.
=

B

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại thành phố Cà Mau, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

Đại diện Chủ đầu tư: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH**

Đại diện theo Ông Chức vụ:
ủy quyền:

Địa chỉ: Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau.

Tài khoản

Mã số thuế - 2001012298 - 001

2. Nhà thầu Tư vấn:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Đại diện theo pháp luật:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Điện thoại:

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn [...] như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2024/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 16/8/2023 của Bộ Xây dựng - Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 tháng 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Biên bản họp ngày về việc đàm phán, thương thảo và hoàn thiện hợp đồng ký giữa đại diện Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) và đại diện

Căn cứ Quyết định số /QĐ-PVCFC ngày .../...../2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầuthuộc Dự án

PHẦN 3. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Định nghĩa

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
2. Nhà thầu tư vấn là
3. Dự án là Dự án
4. Gói thầu là
5. Đại diện Chủ đầu tư (*Đại diện CĐT*) là Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau – Ban Quản lý Dự án chuyên ngành, được Chủ đầu tư ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.
6. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
7. Công việc là toàn bộ các công việc do Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thực hiện theo Hợp đồng, được quy định tại **Phụ lục số 1 [Phạm vi công việc]** của Hợp đồng này.
8. Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở là hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
10. Bên là Chủ đầu tư/Đại diện CĐT hoặc Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

11. Tư vấn thẩm tra là đơn vị do Chủ đầu tư/Đại diện CĐT lựa chọn để thực hiện công việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình của Dự án.
12. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
13. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
14. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm:
 - a. Hợp đồng và các phụ lục kèm theo hợp đồng;
 - b. Biên bản đàm phán hợp đồng;
 - c. Quyết định phê duyệt KQLCNT;
 - d. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu (nếu có) của Gói thầu thuộc dự án;
 - e. Hồ sơ dự thầu, các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn và các tài liệu về công tác
 - f. Các tài liệu khác có liên quan.
2. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định, ... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng như bên dưới:

* Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT:

- Địa chỉ: Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau;
- Email phụ trách: project@pvcfc.com.vn;
- Số điện thoại: 02903819000.

* Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn:

- Địa chỉ:
- Email phụ trách:
- Số điện thoại:

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, phạm vi công việc của hợp đồng:

Nội dung và phạm vi công việc Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thực hiện là Lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Nhà máy sản xuất và kho cảng PVCFC – Nhơn Trạch theo các nội dung quy định tại Điều 14 Nghị định 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ, được thể hiện cụ thể tại Biên bản đàm phán hợp đồng ký giữa hai bên và **Phụ lục số 1 [Phạm vi công việc]** của hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc chủ yếu sau:.....

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng, chế độ báo cáo

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.
2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng: Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm cuối cùng (sau khi Chủ đầu tư/Đại diện CĐT phê duyệt) bao gồm:
 - Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án có đầy đủ chữ ký và đóng dấu bởi đại diện pháp luật của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn đã cập nhật ý kiến của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT và để gửi tư vấn thẩm tra đóng dấu (01 bộ bản gốc + 03 bộ bản chính);
 - 01 USB chứa toàn bộ hồ sơ khảo sát và thiết kế, dự toán (định dạng file PDF, File mềm có thể chỉnh sửa được...).
 - [...]
3. Chế độ báo cáo
Vào sáng thứ 5 hàng tuần, Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải gửi báo cáo kết quả thực hiện công việc và kế hoạch công việc của tuần tiếp theo để Chủ đầu tư/Đại diện CĐT kiểm tra và phối hợp giám sát tiến độ.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm Tư vấn bao gồm:
 - Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên.
 - Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án được Chủ đầu tư/Đại diện CĐT phê duyệt.
 - Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.
2. Nghiệm thu sản phẩm cuối cùng được tiến hành sau khi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án đã được Chủ đầu tư/Đại diện CĐT phê duyệt.
3. Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư/Đại diện CĐT căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng nhưng không làm phát sinh thêm chi phí.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện công việc

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

C.P

B

Tiến độ thực hiện công việc được quy định cụ thể tại khoản 2 điều này, với tổng thời gian thực hiện là ngày làm việc (không bao gồm thời gian thẩm tra, thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng) tính từ ngày Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn nhận được tiền tạm ứng cho đến khi toàn bộ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng được nghiệm thu bàn giao. Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải đệ trình hồ sơ thanh toán tạm ứng hợp lệ không được muộn hơn ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Trường hợp Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn đệ trình muộn hơn thì tiến độ sẽ được tính từ ngày thứkể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ thực hiện công việc chi tiết:

Tiến độ thực hiện công việc chi tiết được quy định cụ thể tại Phụ lục số ... [Tiến độ thực hiện công việc]

- Giai đoạn 1: Trong vòng ngày làm việc, Nhà thầu tư vấn phải hoàn thành và trình Chủ đầu tư/Đại diện CĐT toàn bộ hồ sơ đủ điều kiện phục vụ công tác thẩm tra.

- Giai đoạn 2: Trong vòng ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý Chủ đầu tư/Đại diện CĐT và Tư vấn thẩm tra, Nhà thầu tư vấn phải hoàn thành và đệ trình Chủ đầu tư/Đại diện CĐT toàn bộ hồ sơ đã cập nhật, hoàn thiện phục vụ công tác phê duyệt.

Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian thực hiện của từng giai đoạn như nêu trên, nhưng đảm bảo tổng thời gian thực hiện công việc không vượt quá tổng thời gian quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư/Đại diện CĐT gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện công việc thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện công việc, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục điều chỉnh hợp đồng hoặc thống nhất nội dung điều chỉnh bằng biên bản làm việc.

Việc gia hạn thời gian thực hiện công việc không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán:

1. Loại hợp đồng và Giá hợp đồng

a) Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

b) Giá Hợp đồng:

- Giá Hợp đồng (bao gồm VAT) là:). Giá hợp đồng này đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí.....theo quy định của pháp luật.

2. Tạm ứng hợp đồng:

- Trong vòng ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư/Đại diện CĐT nhận được bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư/Đại diện CĐT sẽ tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn số tiền là ... đồng (*Bằng chữ*..... Bộ hồ sơ tạm ứng bao gồm:

+ Công văn đề nghị tạm ứng (bản gốc);

- + Bảo lãnh tạm ứng với giá trị bảo lãnh bằng số tiền tạm ứng là % giá hợp đồng tương đương [.....] VNĐ và có hiệu lực cho đến khi Chủ đầu tư/Đại diện CĐT thu hồi hết giá trị tạm ứng (bản gốc);
 - + Hồ sơ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (bản gốc) và hóa đơn GTGT (bản copy) của đơn vị bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp. Thời hạn của bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bắt đầu kể từ ngày (hoặc trước ngày) thực hiện công việc tư vấn đến hết thời gian (hoặc sau thời gian) bảo hành công trình theo quy định của pháp luật. Trường hợp thời hạn của bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp ngắn hơn thì Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải thực hiện gia hạn hiệu lực của bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đến khi hết thời hạn bảo hành công trình.
3. Tiến độ thanh toán: Việc thanh toán được chia làm đợt không tính đợt tạm ứng, *Số đợt thanh toán sẽ thống nhất trong giai đoạn đàm phán hợp đồng*
 4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.
 5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn. Phí chuyển khoản tạm ứng do Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT chịu. Phí chuyển khoản các đợt thanh toán do Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn chịu.

Điều 10. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải nộp cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng trong vòngngày kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Giá trị tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ 100% trong lần thanh toán đợt Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi Chủ đầu tư/Đại diện CĐT thu hồi hết số tiền tạm ứng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải điều chỉnh hợp đồng thì trong vòng ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của một Bên, Bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục điều chỉnh hợp đồng hoặc ký kết Biên bản làm việc thống nhất các nội dung điều chỉnh.
2. Điều chỉnh hợp đồng được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a. Điều chỉnh (tăng/giảm) phạm vi công việc. Trường hợp Chủ đầu tư/Đại diện CĐT có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì giá trị phần công việc phát sinh, điều chỉnh này các bên thỏa thuận điều chỉnh tương ứng.
 - b. Đối với công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán.
 - c. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được thực hiện trong trường hợp sau đây:
 - Bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của hai Bên, quy định cụ thể tại Điều 17 [Rủi ro và Bất khả kháng]
 - Điều chỉnh phạm vi công việc theo yêu cầu Chủ đầu tư/Đại diện CĐT hoặc do nguyên nhân từ Chủ đầu tư/Đại diện CĐT.
 - Điều chỉnh tiến độ như quy định tại khoản 3, điều 9 của Hợp đồng này.

3. Nếu những trường hợp trên xảy ra hoặc có xu hướng xảy ra, Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn sẽ thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT trước khi thực hiện công việc. Nhà thầu tư vấn chỉ được thực hiện các công việc phát sinh khi có sự chấp thuận của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT, không có chi phí phát sinh nào được thanh toán trừ khi được Chủ đầu tư/Đại diện CĐT chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành công việc phát sinh đó.
4. Điều chỉnh hợp đồng là cơ sở để Chủ đầu tư/Đại diện CĐT và Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thỏa thuận và thanh toán chi phí phát sinh. Việc tính toán chi phí phát sinh sẽ căn cứ trên thỏa thuận của hai Bên và sự chấp thuận của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT.
5. Hai Bên sẽ tiến hành ký phụ lục hợp đồng hoặc ký kết Biên bản làm việc thống nhất các nội dung điều chỉnh cho những thay đổi được quy định tại điều này. Các chi phí phát sinh sẽ được thanh toán tại thời điểm quyết toán hợp đồng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:
 - a. Yêu cầu Chủ đầu tư/Đại diện CĐT cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn theo thỏa thuận hợp đồng.
 - b. Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
 - c. Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT.
 - d. Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật.
 - e. Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư/Đại diện CĐT thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.
2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:
 - a. Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp theo đúng quy định của pháp luật.
 - b. Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT những tài liệu và phương tiện làm việc (nếu có) do Chủ đầu tư/Đại diện CĐT cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc.
 - c. Cam kết đã có đủ điều kiện theo đúng quy định của pháp luật đối với dịch vụ do mình cung ứng, không được giao cho bên thứ ba thực hiện thay công việc, nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT.
 - d. Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc theo nguyên tắc khách quan và bảo mật thông tin. Theo đó Nhà thầu tư vấn không được quyền tiết lộ thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc công việc cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý trước của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan. Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm bảo mật, bảo quản các tài liệu, hồ sơ và giao lại cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT ngay sau khi kết thúc công việc.
 - e. Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT về những thông tin, tài liệu không đầy đủ để hoàn thành công việc.
 - f. Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
 - g. Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

- Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.
- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.
- h. Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhân lực của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- i. Nộp cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.
- j. Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư/Đại diện CĐT tổ chức.
- k. Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư/Đại diện CĐT phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.
- l. Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.
- m. Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.
- n. Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.
- o. Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.
- p. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.
- q. Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định tại Điều 41 của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 Quy định bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.
- r. Hỗ trợ và phối hợp với Chủ đầu tư/Đại diện CĐT để xử lý, giải trình với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến sản phẩm tư vấn khi có yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- s. Chịu trách nhiệm tư vấn, soạn thảo các văn bản mà Chủ đầu tư/Đại diện CĐT phải làm để trình các ban ngành nếu được yêu cầu liên quan đến sản phẩm tư vấn của Hợp đồng.
- t. Trong vòng tối đa ngày kể từ ngày cơ quan chuyên môn có ý kiến chính thức, Nhà thầu Tư vấn phải điều chỉnh, sửa chữa sai sót và trình lại hồ sơ cho cơ quan đó hoặc Chủ đầu tư/Đại diện CĐT.
- u. Thực hiện giám sát tác giả theo quy định.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT

1. Quyền của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT:
 - a. Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
 - b. Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
 - c. Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.
 - d. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
 - e. Yêu cầu Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.
2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT:
 - a. Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng.
 - b. Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn.
 - c. Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
 - d. Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
 - e. Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.
 - f. Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân sự của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải đáp ứng yêu cầu, điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực được quy định cụ thể tại Phụ lục số [...].
2. Nhà thầu tư vấn phải đảm bảo nhân sự của mình tham gia thực hiện công việc một cách liên tục. Trường hợp nhân sự của Nhà thầu tư vấn không tiếp tục thực hiện công việc gây ra chậm trễ đối với tiến độ thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ phải chịu phạt theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng này.
3. Danh sách nhân sự chủ chốt tham gia thực hiện Hợp đồng được quy định tại Phụ lục số [...] [Nhân sự chủ chốt của Nhà thầu tư vấn]. Trường hợp thay đổi nhân sự chủ chốt, Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư/Đại diện CĐT không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư/Đại diện CĐT chấp thuận. Trong thời hạn ngày kể từ ngày được Chủ đầu tư/Đại diện CĐT chấp

thuận, nhân sự thay đổi phải bàn giao công việc và nhân sự mới tiếp tục công việc đảm bảo tiến độ hợp đồng.

4. Chủ đầu tư/Đại diện CĐT có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự chủ chốt nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT trong vòng ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế. Trong thời hạn ngày kể từ ngày nhân sự thay đổi được Chủ đầu tư/Đại diện CĐT chấp thuận, nhân sự thay đổi phải bàn giao công việc và nhân sự mới tiếp tục công việc đảm bảo tiến độ hợp đồng.
5. Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư/Đại diện CĐT chấp thuận.

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết và bảo đảm rằng: Chủ đầu tư/Đại diện CĐT sẽ có được quyền sở hữu tuyệt đối, đối với sản phẩm tư vấn, sẽ không có bất kỳ khiếu nại, tố tụng về quyền lợi bảo mật, quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu độc quyền hoặc các quyền và lợi ích khác của Nhà thầu tư vấn hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư/Đại diện CĐT sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 16. Rủi ro và Bất khả kháng

1. “Rủi ro” là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai.
 “Bất khả kháng” là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được mặc dù đã áp mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.
2. Thông báo về bất khả kháng:
 - a. Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.
 - b. Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.
3. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro

- a. Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.
 - b. Chủ đầu tư/Đại diện CĐT phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.
4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng
- a. Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:
 - Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành). Thời gian gia hạn hoàn thành không vượt quá thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà có thể chứng minh được bằng các tài liệu phù hợp.
 - Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.
 - b. *Chủ đầu tư/Đại diện CĐT phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.*
 - c. Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.
5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng và thanh toán
- a. Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong Khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.
 - b. Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư/Đại diện CĐT sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn: Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu...tương ứng với khoản thanh toán này.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Do lỗi của Nhà thầu tư vấn: Nếu Nhà thầu tư vấn không thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Chủ đầu tư/Đại diện CĐT có thể ra thông báo tạm dừng toàn bộ hoặc một phần Công việc. Nhà thầu tư vấn phải có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản trong đó phải giải trình lý do và trình bày phương án, kế hoạch khắc phục các sai sót trong khoảng thời gian ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT. Nhà thầu tư vấn phải thực hiện việc sửa chữa, khắc phục các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý (cụ thể do hai bên cùng thỏa thuận), đồng thời Nhà thầu tư vấn phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư/Đại diện CĐT do tạm ngừng công việc và chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng này.
2. Do lỗi của Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT:
 - Nếu Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá ngày làm

việc kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT bằng văn bản, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

- Sau khi Chủ đầu tư/Đại diện CĐT thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc;
 - Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) do lỗi của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT để xem xét. Trong vòng ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Chủ đầu tư/Đại diện CĐT phải xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.
3. Một bên phải thông báo cho bên kia bằng văn bản trong thời gian ngày làm việc trước khi tạm dừng thực hiện công việc trong Hợp đồng, trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Đơn phương chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư/Đại diện CĐT
 Chủ đầu tư/Đại diện CĐT có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng sau ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư/Đại diện CĐT sẽ được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi:
 - a. Nhà thầu tư vấn không tiến hành sửa chữa, khắc phục các sai sót trong vòng ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT về sai sót đó, thời gian sửa chữa, khắc phục hợp lý sẽ được các bên xem xét và thống nhất.
 - b. Nhà thầu tư vấn không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc, hoặcngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.
 - c. Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT.
 - d. Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.
 - e. Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20.
 - f. Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư/Đại diện CĐT các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT.
 - g. Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16.
 - h. Trường hợp số tiền phạt vi phạm hợp đồng đạt đến mức tối đa như quy định tại Điều 21.
 Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư/Đại diện CĐT có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư/Đại diện CĐT và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.
2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT tối thiểu làngày làm việc trong các trường hợp sau đây:

- a. Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT trong khoảng thời gianngày liên tục nhưng không thông báo cho nhà thầu tư vấn.
 - b. Chủ đầu tư/Đại diện CĐT không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 20 sau khoảng thời gianngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
 - c. Chủ đầu tư/Đại diện CĐT không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20.
 - d. Chủ đầu tư/Đại diện CĐT bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.
3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.
4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý và hết hiệu lực khi hai Bên hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 20. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng, nếu có bất kỳ sự tranh chấp hoặc vướng mắc nào xảy ra giữa Chủ đầu tư/Đại diện CĐT và Nhà thầu tư vấn, hai Bên sẽ cùng thương lượng và hòa giải để giải quyết.
2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, nếu không thể giải quyết được bằng thương lượng và hòa giải trong thời hạnngày, thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc đối với mỗi Bên.
3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 21. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng:

- a. Đối với Nhà thầu tư vấn: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 16 Hợp đồng này, Nhà thầu tư vấn sẽ bị phạt vi phạm Hợp đồng do kéo dài thời gian thực hiện công việc, kéo dài thời gian cập nhật, hoàn thiện báo cáo sau khi có ý kiến của Chủ đầu tư/Đại diện CĐT/Đơn vị thẩm tra (như quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 8 và mục t khoản 2 Điều 12 của Hợp đồng này). Phạt vi phạm Hợp đồng được quy định như sau:

- Chủ đầu tư/Đại diện CĐT sẽ phạt 0,8% Giá hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc như quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 8 và mục t khoản 2 Điều 12 của Hợp đồng này.

- Tổng giá trị phạt hợp đồng không vượt quá 8% Giá hợp đồng. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 18 của Hợp đồng này.

- b. Đối với Chủ đầu tư/Đại diện CĐT: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 9 thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu tư vấn mở tài khoản (như quy định tại Phần 1 - Thông tin giao dịch) công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư/Đại diện CĐT đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn.

2. Bồi thường thiệt hại:

- a. Ngoài mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan khác.
- b. Trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng hoặc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng không phù hợp với quy định thì sau khi thực hiện nghĩa vụ hoặc áp dụng biện pháp sửa chữa, khắc phục còn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu bên bị vi phạm còn bị những thiệt hại khác, mức bồi thường thiệt hại phải tương đương với mức tổn thất của bên bị vi phạm.
- c. Trường hợp hành vi vi phạm hợp đồng của một bên xâm hại tới quyền lợi, tài sản của bên kia, bên bị tổn hại có quyền yêu cầu bên vi phạm gánh chịu trách nhiệm vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.
- d. Trường hợp một bên vi phạm hợp đồng do nguyên nhân của bên thứ ba, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm vi phạm hợp đồng trước bên bị vi phạm. Tranh chấp giữa bên vi phạm với bên thứ ba được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản chung

- Hợp đồng này có hiệu lực pháp lý kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư/Đại diện CĐT giữ 02 bản, Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn giữ 02 bản.

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐẠI DIỆN HỢP
PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

**NHÀ THẦU TƯ VẤN/ĐẠI DIỆN HỢI
PHÁP CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN**

PHỤ LỤC SỐ ... “PHẠM VI CÔNG VIỆC”

(Đính kèm Hợp đồng số/2025/HĐTV-QLDA/PVCF-... ngày/.../2025)

PHỤ LỤC SỐ ... “TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC”

(Đính kèm Hợp đồng số/2025/HĐTV-QLDA/PVCFC-VCC ngày/.../2025)

1. Tiến độ tổng thể

- 2. Tiến độ chi tiết:** Nhà thầu tư vấn/Đại diện Nhà thầu tư vấn lập tiến độ chi tiết phù hợp tiến độ tổng thể trình Chủ đầu tư/Đại diện CĐT xem xét, theo dõi kế hoạch thực hiện.

11/01/2025

3.

PHỤ LỤC SỐ “NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN”

(Đính kèm Hợp đồng số/2025/HĐTV-QLDA/PVCFC-VCC ngày/.../2025)

THƯ CHẤP THUẬN HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu _____ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu.*] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ _____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền

của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.